

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS - ST

Ngày: 14/02/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Hà Phương Đông.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Nha – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: Số L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy H – Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền số 409/GUQ-NHNo.LP ngày 23/6/2021); Địa chỉ: Ấp B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2021, cũng như tại phiên Tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 bà T và Agribank Chi nhánh huyện L đi đến thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201900217, số tiền cho vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hạn trả 17 tháng 01 năm 2024, lãi suất cho vay 11%, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn: tiêu dùng đời sống. Cho vay tín chấp, nguồn trả nợ từ tiền lương lĩnh hàng tháng. Tính đến

25/05/2021 bà T còn nợ Agribank Chi nhánh huyện L tổng số tiền 47.595.908 đồng, trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến 25/05/2021 là 3.695.908 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm lẻ tám đồng).

Ngày 05 tháng 04 năm 2019 bà T và Agribank Chi nhánh huyện L đi đến thống nhất ký hợp đồng thấu chi số 7603 LAV 201800310, hạn mức thấu chi 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), hạn trả 05 tháng 04 năm 2020, lãi suất thấu chi 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn: tiêu dùng đời sống. Thấu chi tín chấp, nguồn trả nợ từ tiền lương lĩnh hàng tháng. Tính đến 25/05/2021 bà T còn nợ Agribank Chi nhánh huyện L tổng số tiền 23.215.513 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm mười lăm ngàn năm trăm mười ba đồng).

Như vậy, tính đến 14/02/2022 bà T còn nợ Agribank Chi nhánh huyện L:

Đối với hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201900217 tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến 14/02/2022 là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng).

Đối với hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201800310 tổng số tiền 25.388.913 đồng, trong đó gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Dư nợ thấu chi đến ngày 14/02/2022: 25.388.913 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng).

Mặc dù Agribank Chi nhánh huyện L áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện đúng như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Agribank Chi nhánh huyện L được bình thường không bị ảnh hưởng xấu bởi hành vi vi phạm pháp luật của bà T. Đề nghị Tòa án Nhân dân huyện L xem xét, giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng N, buộc bà Thái Thị T hoàn trả nợ vay cho Ngân hàng N do Agribank - Chi nhánh huyện L đại diện nhận tổng số tiền 76.580.905 đồng, trong đó nợ gốc 69.288.913 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám, chín năm mươi ba đồng), nợ lãi vay tạm tính đến 14/02/2022 là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 76.580.905 đồng, trong đó nợ gốc 69.288.913 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám, chín năm mươi ba đồng), nợ lãi vay tạm tính đến

14/02/2022 là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi trả tất nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Thái Thị T nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho bà T được vì bà đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà T. Bị đơn bà T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bị vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng N yêu cầu bà Thái Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền:

Đối với hợp đồng tín dụng số 7603LAV201900217 tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 43.900.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, chín trăm ngàn đồng), nợ lãi vay tạm tính đến ngày 14/02/2022 là 17.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng). Đối với hợp đồng tín dụng số 7603 LAV 201800310 tổng số tiền 25.388.913 đồng, trong đó gốc 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Dư nợ thấu chi đến ngày 14/02/2022: 25.388.913 đồng (hai mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng)

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Ngân hàng N có cung cấp các Bản sao hợp đồng tín dụng số 7603LAV201900217 ngày 17/01/2019, phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu đời sống, bản sao hợp đồng thấu chi 7603LAV201800310 ngày 05/4/2019 và giấy đề nghị cấp/thay đổi/hủy hạn mức thấu chi (Bút lục 04, 05, 06, 13, 14, 15) thể hiện chữ ký của bà T ở bên vay. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật, đồng thời quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà T không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà T đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng tín dụng 7603LAV201900217 ngày 17/01/2019 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng); của hợp đồng thấu chi 7603LAV201800310 ngày 05/4/2019 là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì bà T không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc bà T không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, bà T là

người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc của hai hợp đồng là 69.288.913 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng), là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 7603LAV201900217 ngày 17/01/2019 thì Ngân hàng và bà T đã giao kết mức lãi suất cho vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay; hợp đồng thấu chi 7603LAV201800310 ngày 05/4/2019, lãi thấu chi 9,5%/năm nên bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà T phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: với số tiền lãi là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng).

Như vậy, bị đơn bà Thái Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N dư nợ tính đến ngày xét xử số tiền vay gốc 69.288.913 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng), tiền lãi là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng) và lãi phát sinh khi trả tất nợ gốc.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn phải chịu 3.829.045 đồng (Ba triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bị đơn bà Thái Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ tính đến ngày xét xử với số tiền vay gốc 69.288.913 đồng (Sáu mươi chín triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm mười ba đồng), tiền lãi là 7.291.992 đồng (Bảy triệu, hai trăm

chín mươi một ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng) và bà T còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 15/02/2022 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thái Thị T phải chịu 3.829.045 đồng (Ba triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.770.286 đồng (Một triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0009261 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà